

ĐẶC ĐIỂM XUNG HỒ TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI VIỆT Ở MIỀN TÂY NAM BỘ

VOCATIVE CHARACTERISTICS IN VIETNAMESE FAMILY IN SOUTHWEST OF VIETNAM

Hoàng Quốc*

1. Đặt vấn đề

Trong tiếng Việt toàn dân, xưng hô trong quan hệ gia đình thường được sử dụng thành cặp tương ứng giữa xưng và hô theo quan hệ thứ bậc (trên - dưới) và theo quan hệ dòng họ (nội - ngoại). Cặp xưng hô tương ứng theo quan hệ thứ bậc như: ông, bà - cháu; bố, mẹ - con; anh, chị - em. Cặp xưng hô tương ứng theo quan hệ dòng họ như: cô/ bác (bên nội) - di/cậu (bên ngoại); mợ/dượng (bên ngoại) - bác/thím (bên nội) - cậu / di (bên ngoại). Nhưng khi khảo sát lời nói hằng ngày của người Việt ở miền Tây Nam Bộ chúng tôi thấy, ngoài cách xưng hô theo các cặp từ xưng hô theo quan hệ thứ bậc, dòng họ (nội, ngoại) trên, người miền Tây Nam Bộ còn thường xuyên sử dụng các từ xưng hô lâm thời trong giao tiếp hằng ngày, mang nét đặc trưng riêng của vùng văn hoá sông nước.

Cũng giống như tiếng Việt toàn dân, từ dùng xưng hô trong gia đình người Việt miền Tây Nam Bộ ngoài sử dụng các đại từ có nguồn gốc từ danh từ thân tộc ra, vẫn sử dụng các đại từ xưng hô đích thực như: *tôi/tao, mày*,... và các biến thể của chúng trong ngữ cảnh nhất định như: *tui, mầy, mầy nhỏ/mầy đũa/mầy đũa nhỏ, sấp nhỏ/tụi nhỏ*,... Những đại từ này được người bậc trên xưng và gọi với những người dưới mình như *bố/mẹ* với *con*, *ông/bà* với *cháu*, *anh/chị* với *em*. Đáng chú ý là đại từ *tui* (biến thể của *tôi*) được sử dụng rất linh hoạt và đa dạng với nhiều vai giao tiếp khác nhau.

Tuy nhiên, cũng giống như một số tỉnh miền Trung, người miền Tây Nam Bộ không dùng đại từ *tôi* để xưng hô với con, cháu và, ngược lại, con, cháu không bao giờ xưng *tôi* với người lớn tuổi hơn mình. Nếu người nhỏ tuổi, vai vế nhỏ hơn xưng *tôi* với người lớn tuổi hơn, vai vế cao hơn sẽ bị đánh giá là xác xược, hỗn láo. Người miền Tây Nam Bộ chỉ dùng biến thể của *tôi* là *tui* để xưng hô trong gia đình và có sự phân biệt sắc thái rất rõ ràng giữa *tôi* và *tui*.

Sự hành chức của từ xưng hô trong gia đình phụ thuộc vào thói quen văn hóa của cộng đồng, văn hoá vùng miền. Mặt khác, khi đặt vào tình huống giao tiếp cụ thể mới thấy được sắc thái tình cảm, hàm ý của chủ thể giao tiếp và từ đó xác định được mục đích, hiệu quả giao tiếp. Tác giả Bùi Minh Yên (1990), Nguyễn Văn Khang (1996) đều cho rằng: “*Sự hoạt động của từ xưng hô trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ đều tuân thủ theo nguyên tắc: ở phạm vi xã hội lệ thuộc vào vị thế xã hội, tuổi tác, mức độ quan hệ giữa các chủ thể giao*

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Sài Gòn

tiếp như thân sơ, ruột thịt, gần xa, chức vụ, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, ... Ở phạm vi gia đình cũng thường lệ thuộc vào tôn ti trật tự trên dưới, nội ngoại, ..." (Bùi Minh Yên, 1990; Nguyễn Văn Khang, 1996).

Bài viết tiến hành khảo sát sự hành chức của từ xưng hô trong phạm vi giao tiếp gia đình của người Việt miền Tây Nam Bộ để tìm hiểu thêm văn hóa ứng xử trong gia đình của cư dân nơi đây.

Tư liệu khảo sát đặc điểm xưng hô trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ ở hình thức hội thoại trong giao tiếp hằng ngày. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát sự hành chức của từ xưng hô trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ qua một số tác phẩm văn học do chính các nhà văn Nam Bộ viết nhằm đảm bảo độ chính xác cao của tư liệu.

2. Xưng hô trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ

Trong xưng hô, đặc biệt là xưng hô trong gia đình, từ xưng hô (hay xưng gọi) không chỉ dùng để “xưng” (tự gọi tên mình) và “gọi” (gọi tên người khác) mà nó còn thể hiện được mối quan hệ, cung bậc tình cảm của các thành viên với nhau. Nhiều nhà nghiên cứu đã nói về sự phong phú của lớp từ xưng hô tiếng Việt. Sự phong phú đó không chỉ cho thấy ở số lượng từ xưng hô mà còn biểu hiện ở chất lượng từ xưng hô. Nhìn chung, cách thức xưng hô trong gia đình người Việt ở các vùng miền của đất nước, trên đại thể là giống nhau. Tuy nhiên, do văn hoá vùng miền có sự khác nhau, theo đó cách xưng hô giữa các thế hệ trong gia đình người Việt ở các vùng miền cũng có sự khác nhau. Vì thế, việc tìm hiểu cách xưng giữa các thế hệ trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ là điều cần thiết vì giúp cho chúng ta hiểu thêm về văn hoá ứng xử và lối sống của cư dân vùng sông nước Cửu Long được thể hiện qua lớp từ xưng hô và cách thức xưng hô trong giao tiếp hằng ngày của họ.

2.1. Xưng hô giữa ông bà và cháu

Nhìn chung, ông bà và cháu trong gia đình người Việt ở Nam Bộ nói chung và miền Tây Nam Bộ nói riêng dường như cũng chỉ thường sử dụng cặp từ xưng hô có tính chất thuận nghịch như: *ông/bà - cháu/con* để xưng hô với nhau. Ông/bà tự xưng mình là *ông/bà* và gọi cháu mình là *cháu* hoặc *con*. Ngược lại, cháu tự xưng mình là *cháu* hoặc *con* và gọi ông, bà mình là *ông, bà*. Đây thực chất là cách xưng gọi bằng vai, nghĩa là dùng vai của mình trong quan hệ với đối tượng để xưng và dùng vai của đối tượng trong quan hệ với mình để gọi. Nói cách khác, mỗi người tự xưng bằng chính vai mình và gọi bằng chính vai đối tượng trong mỗi quan hệ qua lại với nhau. Song ngữ liệu khảo sát cho thấy, trong giao tiếp hằng ngày giữa ông/bà và cháu, ông/bà tự xưng bằng chính vai mình (*ông/bà*), gọi cháu là *con* và cháu cũng tự xưng là *con*, rất hiếm khi xưng *cháu*.

Ví dụ: Ông ăn cơm chưa?
Ông ăn rồi, con ăn chưa?
Hay: Bà cho con 2 nghìn nhé!

Trong hoàn cảnh trang trọng hoặc bình thường người ông hoặc bà thường tự xưng với chức danh của mình, xưng *ông nội/ bà nội* hoặc *ông ngoại/ bà ngoại* và gọi cháu là *con* hoặc gọi đích danh tên của cháu.

Ví dụ: Lấy cho *ông nội* một cái chén đi *Út*.

Hay: Ngày xưa *ông ngoại* cũng thích đá bóng như *con* vậy đó.

Nhưng cũng có khi ông/bà chỉ tự xưng là *nội/ngoại*, không phân biệt ông hay bà nữa và cũng gọi cháu là *con* và ngược lại. Đây là cách xưng hô trong hoàn cảnh thân mật, thể hiện tình cảm gần gũi giữa ông/bà và cháu.

Ví dụ: *Nội* đói bụng rồi, *con* dọn cơm cho *nội* ăn nghen!

Hay: Khi nào *nội* cho *con* về quê *nội* đây?

Ngữ liệu cho thấy, xưng hô giữa ông bà và cháu cũng dùng đến cặp đại từ nhân xưng *tao - mày*, có tính chất một chiều, ông bà xưng gọi với cháu, không có trường hợp ngược lại.

Khi giao tiếp với người thứ ba cần nhắc đến ông/bà, người cháu sẽ chuyển sang cách xưng gọi khác và, ngược lại, ông/bà sẽ chuyển sang cách xưng gọi khác trước người thứ ba khi cần nhắc đến cháu mình. Ngoài một loạt thao tác đoán định về tuổi tác, địa vị xã hội, tính chất quan hệ, mức độ thân quen... của người đó với bản thân mình và người mình cần nhắc đến để lựa chọn cách xưng gọi cho phù hợp, đa phần ông/bà gọi cháu mình theo cách gọi của người thứ ba, đồng thời tự xưng theo cách người thứ ba gọi mình và, ngược lại, cháu gọi ông hoặc bà mình trước người thứ ba cũng vậy.

Ví dụ: *Ông em* có ở nhà không?

Ông em ngủ trong phòng, có việc gì không chị?

Hoặc: *Cháu* đi đâu mà nhà cửa vắng tanh vậy?

Cháu nó đi chơi với bạn hết rồi.

Khi ông bà và cháu xưng hô với nhau, ngoài cách xưng gọi theo vai còn có những cách xưng hô khác nhau trước người thứ ba. Có thể là cách gọi thay vai: chủ thể đứng vào vai vị thế của người đối thoại để gọi người thân của mình. Dù có lúc cũng gọi là *con* nhưng không phải là “con” trong mối quan hệ với ông bà trong gia đình mà là *con* trong mối quan hệ với *ông, bà, bác, chú, cô, dì,...* ngoài xã hội. Hay người ông/bà còn dùng những cụm từ khác để gọi cháu như: *tụi nó, xấp/sấp nhỏ, mấy đứa nhỏ, tụi nhỏ...* Cách dùng những từ xưng hô này để xưng gọi thể hiện sự mộc mạc, gần gũi giữa ông bà và cháu trong gia đình.

Khi ông bà gọi cháu là *mày* và xưng là *tao* thì lúc này cặp từ xưng hô vừa thể hiện sắc thái trung hòa vừa mang sắc thái âm tính. Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi ở những gia đình sống ở vùng nông thôn, ông gọi cháu theo kiểu *tao - mày/mày/mậy* là rất bình thường, sắc thái tình cảm không có gì thay đổi và cách xưng hô này thường thấy ở các gia đình có trình độ học vấn thấp. Còn ở những gia đình trí thức, khi dùng cặp từ này để xưng hô thì sắc thái tình cảm đã biến đổi, do nóng giận vì cháu ngỗ nghịch hay vì một lý do nào khác làm thay đổi tình cảm.

2.2. Xưng hô giữa cha mẹ và con

Xưng hô giữa cha mẹ và con cái là lối xưng hô thể hiện sự tôn ti, trật tự và nề nếp của gia đình.

Tư liệu khảo sát cho thấy, cách xưng hô giữa cha mẹ và con cái của người miền Tây Nam Bộ rất đa dạng và phong phú, thể hiện nhiều cung bậc tình cảm khác nhau.

Trong hoàn cảnh bình thường cha mẹ thường xưng *cha mẹ, ba má, tía má* và gọi *con*. Chẳng hạn như:

“Cái ơi, *ba* là năm nhỏ nè con...” (*Cái ơi* - Nguyễn Ngọc Tư)

“*Cha* rảnh dữ ha, đi tội nghiệp mấy con chó” (*Áu thơ tươi đẹp* - Nguyễn Ngọc Tư)

“Sáng nay, *má* tôi lại ra đứng tần ngần ở chợ Ba Bảy Chín” (*Dòng nhớ* - Nguyễn Ngọc Tư)

“*Mẹ* sẽ sống trên sông hoài, hoài hoài với con” (*Dòng nhớ* - Nguyễn Ngọc Tư)

Ngoài ra cha mẹ cũng thường hay gọi con bằng *thằng (con)* + tên, *bé* (với cả trai và gái) + tên và thường thấy mẹ gọi con theo kiểu này nhiều hơn bố.

Ví dụ: *Thằng Thương* vào phòng mẹ biểu.

Bé Trí chuẩn bị đi học nha con.

Qua khảo sát chúng tôi cũng thấy bố (cha) gọi con là *đệ tử* trước người thứ ba, bất cứ người thứ ba lớn tuổi hơn hay nhỏ tuổi hơn. Và từ *đệ tử* thường chỉ được người cha dùng để gọi con trai mình trước người thứ ba, người mẹ rất hiếm dùng từ này để gọi con trước người thứ ba. Còn từ *bé* (với cả trai và gái) + tên cũng chỉ được mẹ gọi con trước người ba thân quen với mình.

Khi cần nhắc cha mẹ trước người thứ ba, con có nhiều cách gọi khác nhau tùy thuộc vào độ tuổi của người thứ ba. Nếu người thứ ba lớn tuổi hơn thì là *cha/tía/ba (cháu, con, tui)*, người thứ ba bằng tuổi hoặc nhỏ hơn bản thân thì *cha/ba/tía (tao, mình)* và khi giao tiếp suồng sã thì từ *ông/bà* cũng thường xuyên sử dụng để gọi ba, mẹ với người thứ ba bằng tuổi hoặc nhỏ tuổi hơn.

Ngày nay, mỗi gia đình đa số chỉ có một đến hai con, nên nhiều người có xu hướng xem con như một người bạn của mình để chia sẻ những vui buồn trong cuộc sống nên ít thể hiện quyền lực hay áp đặt cho con, cũng như lối xưng hô không nhất định bó buộc theo luật tôn ti.

Người dân miền Tây Nam Bộ vốn là người dân miệt vườn với bản tính hiền hậu, chất phác, không phô trương hoa mỹ, cách xưng hô một phần nào biểu hiện sự chất phác, mộc mạc, thật thà đó trong con người họ.

Ví dụ: *Tui* có làm gì đâu mà tự nhiên trách *tui*?

Mây có biến thành tro tao cũng nhận ra ghen *mậy*.

Đây là cách phát âm lệch chuẩn nhưng vẫn được chấp nhận vì nó đã trở thành từ địa phương Nam Bộ và, phần nào thể hiện được nét đặc trưng của người Việt miền Tây Nam Bộ, không thể lẫn với người dân vùng miền nào khác của Tổ quốc.

Trong mối quan hệ cha mẹ - con cái, nếu người miền Bắc thường gọi con cái bằng *anh/chị* thì người miền Tây Nam Bộ lại có cách gọi thân mật, gần gũi, bình dân hơn như: *mày, mây, mậy, con Út, thằng Bi, bầy trẻ, sắp nhỏ, tui bầy, ...*

Ví dụ:

- “*Tui bầy bốn đứa. Ba cho mỗi đứa ... năm cắc. Hai đồng bạc đây.*” (*Hương rừng Cà Mau* - Sơn Nam)

- “*Anh đưa vài miếng kẹo nữa để tôi đem về cho sắp nhỏ nó ăn.*” (*Biển cỏ miền Tây và Hình bóng cũ* - Sơn Nam).

Trong cách xưng hô giữa con cái với cha mẹ, ngoài những từ xưng hô đúng với chuẩn mực xã hội, người cha, mẹ ở miền Tây Nam Bộ còn dùng nhiều từ khác để gọi con nhưng vẫn thể hiện tình cảm âu yếm của cha mẹ dành cho con.

Ví dụ:

“*Gần mười giờ rồi còn sớm sao ông con?*” (*Áu thơ tươi đẹp* - Nguyễn Ngọc Tư)

Có lúc cha mẹ còn dùng cả những từ gọi con vật để gọi con.

Ví dụ: *Chó con* lại đây ba biểu tí coi.

Hay: *Mặt heo* đáng ghét của mẹ oi!

Còn khi con cái xưng hô với cha mẹ thông thường chúng ta chỉ thấy gọi bằng *cha/ba/tía, má/mẹ/vú* và xưng bằng *con*. Tuy nhiên, ở những vùng nông thôn miền Tây Nam Bộ con gọi cha mẹ là *ông/bà* và xưng là *tui* cũng là cách xưng hô rất bình thường, nó chỉ thể hiện thói quen và phần nào đó là trình độ học vấn chứ không hề phản ánh được sắc thái tình cảm.

Ví dụ: *Ông* ở nhà coi chừng nhà *tui* đi ra ruộng một chút *tui* về.

Song, đối với những người trí thức thì cách xưng hô như thế đã trở nên không bình thường, đó là cách xưng hô khi sắc thái tình cảm có sự thay đổi.

Cặp từ *mày - tao* cũng thường xuyên xuất hiện trong xưng hô giữa cha và con. Cặp đối lập này có khi thể hiện sự suồng sã, bộc lộ sắc thái âm tính nhưng cũng có khi thể hiện sắc thái dương tính, thân mật, gần gũi. Cũng có khi thể hiện sự bất bình, hay chứa đựng một chút hàm ý đe dọa, bộc lộ rõ quyền lực của vai trên.

Ví dụ:

Mày đi đâu mà bỏ đi miết để có mình tao với *má* *mày* ở nhà.

Mày mà đi thì *mày* đừng bao giờ trở lại căn nhà này nữa. *Tao* không có đứa con như *mày*.

Ngoài ra, xưng hô giữa cha con còn sử dụng cặp xưng hô *tui - ông* có tính chất hai chiều. Khi cha xưng là *tui* và gọi con là *ông*, lúc này cặp từ xưng hô *tui - ông* mang tính chất trung hoà và có phần suồng sã.

Ví dụ: *Ông* có làm giùm *tui* thì làm cho nhanh giùm một cái.

Và khi con xưng là *tui*, gọi cha là *ông* thì có thể vừa mang sắc thái trung hoà, suồng sã hay cũng có khi mang sắc thái âm tính đậm nét. Nó phụ thuộc vào trình độ học vấn và vốn sống của từng người.

Ví dụ: *Ông* ở nhà nhớ coi mấy đứa nhỏ giùm *tui*.

Một số gia đình sinh sống ở vùng nông thôn, con xưng với cha như thế vẫn rất bình thường vì bản chất nông dân là chất phác, phóng khoáng nên cách dùng từ xưng hô trong giao tiếp của họ cũng rất “thoáng”.

Còn những gia đình trí thức, xưng hô “*tui - ông*” với cha sẽ biểu hiện sắc thái tình cảm không bình thường.

Ví dụ: Chuyện *tui* làm *ông* làm gì biết mà nói.

2.3. Xưng hô giữa vợ và chồng

Cách xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt rất là phong phú, đa dạng và cực kỳ uyển chuyển trong từng tình huống giao tiếp. Hơn nữa, cách xưng hô giữa vợ chồng là lối xưng hô thể hiện được rất nhiều cung bậc và sắc thái tình cảm. Trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ, ở hoàn cảnh bình thường các cặp vợ chồng trẻ và trung niên thường sử dụng cặp xưng gọi *anh - em, ông xã - bà xã, anh - cục cưng* để xưng hô với nhau. Người chồng xưng mình là *anh/ông xã* và gọi vợ là *em*, vợ xưng *em/bà xã* và gọi chồng là *anh/ông xã*. Quan hệ giữa tự xưng và tự gọi trong cặp xưng hô này có tính chất thuận - nghịch kiểu *anh ↔ em*.

Khi vợ (hoặc chồng) giao tiếp với người thứ ba cần nhắc đến chồng (hoặc vợ) họ chuyển sang cách xưng gọi khác. Nếu người thứ ba lớn tuổi hơn mình, người vợ (hoặc chồng) thường phải thực hiện một thao tác đoán định về tuổi tác, địa vị xã hội, tính chất quan hệ, mức độ thân quen của người đó với chồng mình (hoặc vợ mình) để lựa chọn từ xưng gọi cho phù hợp. Trong nhiều trường hợp, người vợ (chồng) thường gọi chồng (vợ) theo cách gọi của người thứ ba và cũng tự xưng mình theo cách người thứ ba gọi mình.

Những cách gọi nhau của vợ và chồng trước người thứ ba lớn tuổi hơn mình thường gặp là: *Chồng em (con, cháu): Chồng con* đi làm chưa về bác hai ạ.

Vợ/bà xã em (con, cháu): Vợ/bà xã em lúc này công việc bận rộn lắm.

Anh/cô: Em/con/cháu đi một mình còn *anh* ở nhà chăm con.

Nếu người thứ ba bằng hoặc xấp xỉ tuổi và có quan hệ thân quen hai vợ chồng đã lâu thường dùng lối xưng hô bằng vai phải lứa để gọi nhau. Ở đây các từ xưng (*em, con, cháu*)

trong các kết hợp trên (*chồng em, vợ con, bà xã cháu...*) được thay bằng từ *mình, tui, tao* trong các kết hợp: *chồng mình, vợ mình, chồng tui, vợ tui, chồng tao, vợ tao, bà xã mình/tui/tao, ông/bà*; riêng từ *anh/cô* vẫn dùng như trên.

Ví dụ: *Chồng mình* bận việc nên không đi cùng.

Vợ tui đi công tác rồi.

Không biết *vợ tui* mấy sao chứ *vợ tao* là chiều *tao* hết ý luôn.

- Nếu người thứ ba bằng tuổi hoặc nhỏ tuổi hơn mình, *vợ /chồng* thường gọi nhau theo các cách sau:

Ông xã/ bà xã/ chồng/vợ (anh, chị, mình, tui, tao) hoặc *ông/bà*: “*Ông đi công tác rồi, chị ở nhà có mình ên à*”.

Bà xã: *Có lẽ bà xã anh* tiện đường nên đi vô chợ luôn rồi, em ngồi chờ *bà* một chút.

Trường hợp người thứ ba này nhỏ tuổi hơn và thân quen với *vợ* hoặc *chồng* hoặc với cả hai (hoặc là *bà con* nhưng vai vế nhỏ hơn), người *vợ (chồng)* có thể gọi *chồng (vợ)* mình đúng như theo cách gọi của người thứ ba và thường sử dụng các từ xưng hô lâm thời + tên/ thứ tự sinh.

Ví dụ: A: *Chị Oanh* đi Sài Gòn về chưa anh Tư?

B: *Chị Oanh* mai mới về.

A: *Anh Năm* có nhà không chị Năm?

B: *Anh Năm* đang ở ngoài ruộng.

Hay cũng có khi *vợ* gọi *chồng* (thường *vợ* *chồng* trẻ ở nông thôn) theo kiểu vừa đùa vui, thân mật vừa có tí suồng sã, ví dụ như:

A: *Chồng* mày đâu rồi mà đi mình ên vậy?

B: *Thằng hĩa/ thằng chả* ở nhà chứ đâu.

Ở trên, chúng ta đã nói đến cách xưng hô giữa *vợ* và *chồng* trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ trong hoàn cảnh giao tiếp bình thường và cách họ gọi nhau trong giao tiếp với người thứ ba ở các lứa tuổi khác nhau. Dưới đây chúng ta lại xem xét cách xưng hô giữa họ trong các tình huống hay hoàn cảnh khác.

Cũng như mọi hiện tượng xã hội khác, gia đình là một phạm trù lịch sử. Nó ở vào thế luôn biến động dưới các hình thức và mức độ khác nhau do sự tác động thường xuyên giữa các thành viên và các xung đột ngoài xã hội ảnh hưởng vào. Sự tác động qua lại giữa các thành viên trong gia đình, trước hết là giữa *vợ* và *chồng*, có thể làm thay đổi quan hệ vốn có và thiết lập các vai quan hệ mới, lâm thời. Như chúng ta đều biết, mỗi con người là một thực thể sinh - tâm lý - xã hội, và luôn tồn tại trong mối quan hệ đa chiều với những con người khác, vốn cũng là thực thể sinh - tâm lý - xã hội. Theo Bùi Minh Yên (1990): “*Mỗi con người là sự tổng hoà các mối quan hệ xã hội (dù là tồn tại trong nhóm nhỏ như gia*

đình, hay sống riêng lẻ), cũng luôn luôn hiện ra như một đại lượng biến thiên của thái độ và tâm trạng” (Bùi Minh Yên, 1990). Thực tế cho thấy, dù nghiêm ngặt đến đâu, bên cạnh các gia đình êm ấm “*chồng hoà vợ thuận*” vẫn còn không ít gia đình rơi vào tình trạng “*vợ chồng lục đục*” và, bi đát hơn, lối sống “*chồng ăn chả vợ ăn nem*” cũng là những thực thể xã hội, làm nảy sinh những cách xưng hô đặc trưng giữa các thành viên trong gia đình. Trong hoàn cảnh như thế, các đôi vợ chồng sẽ gọi nhau như thế nào và họ gọi nhau trước người thứ ba ra sao?

Ở những đôi vợ chồng trẻ hoặc trung niên, cặp xưng hô *anh/ông xã – em/bà xã* chỉ là đặc trưng cho tuổi tác, được dùng trong hoàn cảnh giao tiếp bình thường, giống như cặp *tui – ông/bà, tui – má nó/ba nó* ở các cặp vợ chồng cao tuổi. Bên cạnh nhịp sống bình thường, giữa vợ chồng, con cái nhiều lúc cũng rơi vào các tình huống đột biến, làm thay đổi thái độ ứng xử giữa họ và dẫn đến hiện tượng chuyển vai tình huống giữa vợ và chồng. Tương ứng với các vai mới, lâm thời ấy là các cặp xưng hô mới, lâm thời, tương ứng.

- Để biểu lộ tình cảm một cách thân mật, các cặp vợ chồng trẻ chưa có con thường xưng hô một cách nũng nịu như: *ông xã – bà xã, anh yêu – em yêu, anh/em – cục cưng*. Và cũng có thể là *tao – mày*.

- Để biểu lộ tình cảm thân thiết, âu yếm hơn, các cặp vợ chồng trẻ đã có con và các đôi vợ chồng trung niên thường sử dụng các cặp từ xưng gọi: *tui – bà, anh/em – mình, anh – bà*. Ví dụ: “Trưa nay *anh* đi nhậu, *bà* ở nhà ăn cơm trước đi nghen”!

- Cũng trong tình huống giao tiếp thân mật như trên, các đôi vợ chồng trẻ hoặc trung niên còn có cách gọi nhau bằng tổ hợp từ chỉ quan hệ thân thuộc trong vai “*ba*” hoặc “*mẹ*” và đại từ “*nó*” hoặc “*mày*”. Ví dụ: “*Ba nó* nhớ về sớm nghen!”

Điều tinh tế ở đây là, khi gọi nhau bằng *ba/cha mày/mày/mây, mẹ mày/mày/mây* cả vợ lẫn chồng ít tự xưng là *em* hoặc *anh* mà thường xưng *tui*. Do đó, cặp xưng hô trong trường hợp này là *ba nó (mẹ mày, cha mày/mây) – tui*. Khi vợ chồng xưng gọi *cha mày, mẹ mày* ngoài ý thân mật còn mang thêm sắc thái xuề xoà, pha chút suồng sã. Chính vì thế, có một số trường hợp, cặp xưng hô này được thay bằng cặp *mẹ mày – tui/tao* mà nghe vẫn êm tai. Tuy nhiên, cách xưng *tao* chỉ dành riêng cho “quyền” của người chồng. Do đó mà cặp *cha mày – tao* rất ít xuất hiện trong xưng hô giữa vợ và chồng.

Ngoài những cách xưng hô trên, những đôi vợ chồng trẻ hoặc trung niên, vợ chồng khi cần thể hiện tình cảm thân thiết, âu yếm, họ còn có thể gọi nhau theo một cách khác. Như gọi bằng cách tổ hợp yếu tố chỉ quan hệ thân thuộc trong vai *ba/tía* hoặc *mẹ/má* và *tên con*.

Khi thân mật rồi cũng có khi giận dỗi, không bằng lòng nhau. Cách xưng hô thân mật giờ đây chuyển sang cách xưng hô “nghiêm trang”, lạnh lùng. Những lúc như thế vợ chồng thường xưng hô theo kiểu: *mày – tao, tui – ông/bà, tui – mấy người*. Nếu những điều bất bình thường giữa vợ chồng lớn dần, và dẫn đến xung đột sâu sắc về tình cảm, lối sống, quan điểm, quyền lợi, ứng xử ngôn ngữ đột ngột chuyển hẳn sang một bậc khác: từ thân mật đến suồng sã, thậm chí là tục tĩu. Các cặp từ *anh* → *em, anh/em* ↔ *cục cưng, anh* → *bà*... thậm

chí *tui* → *bà/cô*, *tui* → *ông* vừa nói hầu như không được sử dụng, thay vào đó là cặp xưng gọi thuận nghịch *mày* ↔ *tao* với giọng gay gắt và một loạt từ ngữ thô tục được dùng trong các phát ngôn của vợ hoặc chồng như: *con mẹ mày*, *thằng cha mày*, *con đĩ/ khỉ*, *thằng quý*, *đồ chó*,...

Trong tình huống trên, họ sẽ gọi nhau như thế nào nếu có người thứ ba nào đó xuất hiện cùng tham gia câu chuyện? Cứ liệu quan sát cho thấy, cả vợ lẫn chồng không dùng các từ: *vợ/bà xã*, *ông xã*, *anh*, *ổng*, *bả*, *cổ*... như vẫn thường gặp mà tùy cách đoán định của họ về tuổi tác, vị trí xã hội, trình độ học vấn của người thứ ba và quan hệ giữa họ và người này mà lựa chọn cách gọi cho phù hợp. Nếu người thứ ba là bậc trên hoặc uy tín cao, họ biết trân trọng và dùng cặp từ xưng gọi *vợ/chồng* (*em*, *con*, *cháu*, *tui*), *anh/cổ*. Nhưng đa số trường hợp vợ, chồng thường gọi nhau bằng *nó* chứ không gọi nhau bằng *hắn* như người miền Trung và miền Bắc.

Ví dụ: “Suốt ngày *nó* rúc trong các quán nhậu, biết gì vợ con *nó* ở nhà đâu!”

Trong trường hợp tức giận đến cao độ, trước người thứ ba vợ chồng không gọi nhau bằng *nó* nữa mà có thể bằng *thằng chả*, *con quý*, *đồ chó*, *đồ quý*, *đồ con đĩ*,...

Xung hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ không chỉ bị quy định bởi luật tôn ti và chuẩn mực về ứng xử xã hội mà còn phụ thuộc rất đáng kể vào cung bậc tình cảm, thái độ giữa họ trong từng tình huống cụ thể. Ngay trong cùng một cuộc thoại tùy vào diễn tiến hay tính chất biến thiên của tình cảm và thái độ giữa vợ và chồng mà có hiện tượng chuyển vai lâm thời, kéo theo đó là sự chuyển cặp lời xưng gọi giữa họ. Nếu xưng hô trong hoàn cảnh bình thường là phần trung tâm trong hệ thống lời xưng hô giữa vợ và chồng thì các cách xưng hô trong hoàn cảnh thân thiết, cởi mở và trong hoàn cảnh suồng sã, tục tĩu sẽ được xem như là những bộ phận ngoại biên của hệ thống này. Tương ứng với các bộ phận này là các trạng thái bình thường, thân mật, âu yếm và tức giận, phẫn nộ.

Đáng chú ý cặp từ xưng hô theo kiểu *tui* - *ông* trong cách xưng hô giữa vợ và chồng lớn tuổi của người Việt ở miền Tây Nam Bộ là cặp từ mang tất cả những sắc thái (bình thường, thân mật, xuề xoà, suồng sã,...), trong hoàn cảnh bình thường vẫn xưng hô bằng cặp từ ấy, hay khi giận dữ, thân mật cặp từ ấy vẫn được sử dụng.

Ví dụ: Ông lấy giùm *tui* chai nước trong xe nghen!

Ông muốn làm gì thì làm *tui* không thèm nói nữa.

Vậy là *tui* với ông gần già hết rồi he ông?

Còn khi vợ chồng trẻ tuổi hoặc trung niên dùng cặp xưng gọi *ông* – *tui* thì nó thường mang tính chất suồng sã.

Như vậy, xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ vừa có cái chung vừa có nét riêng không lẫn với cách xưng hô của người Việt ở các vùng miền khác của Tổ quốc. Người dân miền Tây Nam Bộ hiền hoà hiếu khách, chất phác, mộc mạc và cũng rất phóng khoáng. Chính vì thế, lối xưng hô của họ cũng “thoáng” hơn.

2.4. Xưng hô giữa anh, chị và em

Thông thường anh chị em ruột trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ xưng hô theo kiểu: *anh/chị - em, tao - mày*. Người miền Tây Nam Bộ không gọi là *anh cả* như miền Bắc hay *anh đầu* như miền Trung; người anh, người chị lớn nhất trong gia đình được gọi là: *anh hai, chị hai* hoặc *hai* (không phân biệt giới tính). Cách xưng gọi phổ biến nhất là xưng gọi *anh/chị + thứ tự sinh* hoặc *thứ tự sinh*.

Ví dụ: Lấy cho *anh hai* cái áo.
Tết *chị hai* về, ở nhà ráng học ngoan đó nghen!
Chờ *hai* với cung.
Hai cho em đi chơi với *hai*!

Cũng có thể là xưng *anh/ chị + thứ* hoặc *thứ* và gọi tên của người em hoặc xưng *anh/ chị + thứ* hoặc *thứ* và gọi em là *cung/nhỏ*. Cách gọi *cung/nhỏ* thể hiện sự yêu thương, trìu mến của người anh, người chị dành cho em của mình. Và đây cũng là cách gọi rất phổ biến của người miền Tây Nam Bộ.

Ví dụ: Sao lúc này *chị* thấy *cung* đi chơi nhiều quá vậy?

Khi tức giận, hay cư xử thiếu nhã nhặn, anh chị em trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ thường sử dụng cặp từ xưng hô *tao - mày* giống như những vùng miền khác của đất nước. Tuy nhiên trong nhiều tình huống giao tiếp, sử dụng cặp xưng hô này không hẳn là suồng sã mà chỉ là do thói quen.

Ví dụ: *Mày* cho tao hai ngàn đi chút *tao* đi học về tao mua bánh cho *mày* ăn.
Mày cũng lớn rồi, đi theo *tao* làm ăn chứ ở nhà bám cha mẹ hoài sao?

Khi đã lập gia đình, anh chị em trong nhà có khuynh hướng xưng gọi theo vai của con.

Ví dụ: *Chú năm* *mày* khoẻ không?
Khoẻ, bác tư nó sao rồi?

Anh, chị xưng gọi với em thay vì gọi theo chức danh anh/chị + thứ thì người Nam Bộ nói chung và người Việt ở miền Tây Nam Bộ nói riêng vẫn có thể không gọi chức danh mà chỉ gọi thứ. Chẳng hạn như gọi là *hai* (*chị hai/ anh hai*), *tư* (*chị tư/ anh tư*), *năm* (*chị năm/ anh năm*),... anh/chị gọi em là *cung*. Cách gọi này thể hiện được sự thân mật, gần gũi và cũng rất mộc mạc của người dân vùng sông nước.

Ví dụ: Chiều *cung* rảnh chờ *tư* đi huyện nghen!

Đáng chú ý là trong quá trình cộng cư, tiếp xúc văn hóa, ngôn ngữ với người Hoa, người Việt ở một số tỉnh miền Tây Nam Bộ đã vay mượn một số từ xưng hô của người Hoa (nói tiếng địa phương Triều Châu) vào trong giao tiếp hằng ngày của mình như: *hia* (anh), *ché* (chị), *chệt* (chú),... Theo thiển nghĩ của chúng tôi, đây cũng là một nét biểu hiện của văn hóa hòa đồng, cởi mở của người miền Tây Nam Bộ.

Ví dụ: *Chế* đang bận việc (Chị đang bận việc). Tiếng Hoa Triều Châu *ché* là đại từ ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai có nghĩa là chị.

Từ “ché” còn được người Việt ở các tỉnh Trà Vinh, Bạc Liêu, Cà Mau dùng để phân biệt “ché” và “chị”, “ché” là chế ruột hoặc chế họ của mình, còn “chị” là từ dùng để gọi vợ của anh (anh ruột lẫn anh họ).

3. Kết luận

Xét về số lượng, từ xưng hô trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ có số lượng nhiều hơn từ xưng hô trong tiếng Việt toàn dân và những từ xưng hô này là từ địa phương Nam Bộ. Ngoài ra còn thấy một số đại từ nhân xưng được người Việt miền Tây Nam Bộ vay mượn từ tiếng Hoa Triều Châu như: *hia* (anh), *ché* (chị), *chệt/chêc* (chú), *mùi/muội* (em gái)... để xưng hô trong giao tiếp hằng ngày.

Do ảnh hưởng của văn hoá Nam Bộ, lớp từ xưng hô trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ đã có sự hội tụ của nhiều cách xưng hô với một lớp từ xưng hô khá phong phú. Bên cạnh những lớp từ xưng hô chính danh, trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ còn xuất hiện nhiều từ xưng hô lâm thời có tác dụng biểu cảm rõ nét, nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp muôn màu muôn vẻ cũng như đời sống tinh thần dồi dào, phong phú của cư dân miệt vườn sông nước Cửu Long.

Nhìn chung, cách xưng gọi trong gia đình người Việt ở miền Tây Nam Bộ rất phong phú và đa dạng. Tuỳ theo sắc thái tình cảm mà có cách xưng hô khác nhau giữa các thành viên trong gia đình. Ngoài ra nó còn phụ thuộc vào mối quan hệ với người thứ ba mà cách xưng gọi nhau cũng có sự thay đổi.

Xưng hô trước hết một phần nào thể hiện văn hoá của mỗi cá nhân và văn hoá vùng miền. So với miền Trung, miền Bắc thì không ai có thể phủ nhận miền Tây Nam Bộ là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi. Từ những cánh rừng bạt ngàn, bung lảng nước đọng, sông ngòi chằng chịt đến những vùng đất bồi lảng phù sa, cha ông ta đã kiến tạo nên một đồng bằng bao la với ruộng đồng cò bay thẳng cánh, những miệt vườn sum suê cây trái, những nương rạch dọc ngang tấp nập xuống ghe và những xóm làng rộn vang nhịp sống. Tất cả đã tạo nên một lối sống phóng khoáng, một miền Tây Nam Bộ với những bản sắc và cá tính riêng, những cá tính ấy dường như không thể lẫn với vùng miền nào khác của Việt Nam. Nó đã tạo nên những nét riêng, độc đáo và được thể hiện phần nào trong văn hoá ứng xử, theo đó cách xưng hô trong giao tiếp hằng ngày của người miền Tây Nam Bộ cũng dễ dãi hơn, phóng khoáng hơn.

Như vậy, tính “mở” của văn hoá vùng Tây Nam Bộ là cơ sở cho việc tiếp nhận văn hoá các vùng miền khác và trên cơ sở đó tạo ra nét văn hoá riêng, đặc thù cho vùng đất. Đây cũng chính là một trong những nét đặc trưng của văn hoá vùng Tây Nam Bộ với tính cách con người, ứng xử của người dân được thể qua từ xưng hô và cách thức xưng hô trong giao tiếp gia đình cũng như ngoài xã hội.

Xưng hô trong gia đình người ở miền Tây Nam Bộ vừa có cái chung vừa có nét riêng không lẫn với cách xưng hô của người Việt ở các vùng miền khác của Tổ quốc. Người dân miền Tây Nam Bộ hiền hoà, hiếu khách, chất phác, mộc mạc và rất phóng khoáng. Chính vì thế, lối xưng hô của họ cũng thoáng hơn, tạo nên sự thân mật, gần gũi hơn giữa các thế hệ trong gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Yến (1990). Xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 3, tr.30-37.
2. Bùi Minh Yến (1993). Xưng hô giữa anh chị và em trong gia đình người Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 3, tr.10-19.
3. Hoàng Phê (2009). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
4. Hoàng Quốc (2013). Xưng hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Thông tin Khoa học Trường Đại học An Giang*, số chuyên đề, tr.45-48.
5. Hoàng Trọng Canh (2009). *Từ địa phương Nghệ Tĩnh về một khía cạnh ngôn ngữ - văn hóa*. Hà Nội: KHXH.
6. Nguyễn Văn Khang (chủ biên) (1996). *Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*. NXB Văn hoá - Thông tin.
7. Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2013). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. NXB Văn hóa - Văn nghệ.

Dẫn liệu

1. Sơn Nam (2006), *Biển cỏ miền Tây và Hình bóng cũ*, NXB Văn nghệ, TP HCM
2. Sơn Nam (2009), *Hương rừng Cà Mau*, Tập 3, NXB Trẻ, TP HCM.
3. Nguyễn Ngọc Tư (2005), *Tập truyện ngắn Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ, TP HCM.